TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2025
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Minh Tuấn.
2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ X, sinh năm: 2000 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm: 1985 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phan Thị Mỹ X *là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh S tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G; sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với cha, mẹ tại ấp T, xã T, huyện G, chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh S thiếu

trách nhiệm với vợ, con và hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay, không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ, chồng.

Quá trình chung sống chị và anh S có một người con là cháu Bùi Thị Mỹ T1, sinh ngày 12/5/2023, do chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định không còn tình cảm nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi cháu T1, chị có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng, chị vẫn đảm bảo quyền thăm con cho anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn S *là bị đơn:*

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị X; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cung cấp như sau: Ban lãnh đạo ấp không biết nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị X và anh S.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định. Đối với anh S chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị X và anh S tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị X xác định chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ, chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị X cương quyết yêu cầu ly hôn, anh S không có ý kiến phản đối. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị X và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh S.

Về con chung: Cháu T1 dưới 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị giao cháu T1 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị Mỹ X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Bùi Văn S, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Bùi Văn S là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S. Tuy nhiên, anh S không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh S kết hôn năm 2022, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/3/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị X xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh S thiếu trách nhiệm và hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị X và anh S vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ, chồng cho hai bên nhưng không đạt kết quả do chị X kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh S không có ý kiến phản đối. Điều này cho thấy tình cảm vợ, chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh S.

Về con chung: Chị X và anh S có một người con là cháu Bùi Thị Mỹ T1, sinh ngày 12/5/2023. Xét yêu cầu nuôi con của chị X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T1 dưới 36 tháng tuổi đang được chị X chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và đảm bảo sự phát triển; anh S không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi

con. Căn cứ khoản 3 Điều Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho chị X được quyền nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002797 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Mỹ X được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Mỹ T1, sinh ngày 12/5/2023 cho chị Phan Thị Mỹ X được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Bùi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ X phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0002797 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Mỹ X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2025); anh Bùi Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Kiên Giang;
-VKS ND huyện Giồng Riềng;
-THA huyện Giồng Riềng;
-UBND xã Thạnh Hòa;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát